

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2434/QĐ-UB ngày 28/7/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-MTg ngày 04/10/2001 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Thanh Hoá phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư công trình Điều chỉnh - Bổ sung - Hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa quy mô 620 giường bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung hạng mục công trình nhà cận lâm sàng - Chuẩn đoán hình ảnh - Hội trường thuộc Dự án Điều chỉnh - Bổ sung - Hiện đại hóa Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3630/QĐ-UBND ngày 22/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án ĐTXD công trình Khoa quốc tế - Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa quy mô 50 giường bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 15/06/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự

án Đầu tư xây dựng công trình Khoa Nội A và Trung tâm huyết học - Truyền máu Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa quy mô 200 giường bệnh;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 28/GP-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 2022/2023/CV-BVĐKT ngày 23/06/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 758/TTr-STNMT ngày 05 tháng 7 năm 2023; Công văn số 6567/STNMT ngày 20/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 181, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 747/SYT-GPHĐ ngày 05/5/2016 do Sở Y tế cấp.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Hoạt động khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho người dân.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm II, đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích: Tổng diện tích sử dụng đất 66.076,0 m².

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động: 1.200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 30 tháng 7 năm 2023 đến ngày 30 tháng 7 năm 2033).

Giấy phép môi trường số 28/GP-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với

các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. **Nguồn số 01:** Nước thải tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám,...(lưu lượng 373,12 m³/ngày.đêm) phát sinh từ toà Nhà A1, Nhà A2, Nhà A3, Nhà A4, Nhà A5, Nhà A6, Nhà A7, Nhà A8, Nhà A9, Nhà A10, Nhà A11, Nhà A13, Nhà A15, Nhà A16, Nhà điều trị bệnh nhân trại giam, Trung tâm tim mạch – Hồi sức tích cực – Chẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ.

1.2. **Nguồn số 02:** Nước thải vệ sinh của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám.... (lưu lượng 148,76 m³/ngày.đêm) từ toà Nhà A1, Nhà A2, Nhà A3, Nhà A4, Nhà A5, Nhà A6, Nhà A7, Nhà A8, Nhà A9, Nhà A10, Nhà A11, Nhà A13, Nhà A15, Nhà A16, Nhà điều trị bệnh nhân trại giam, Trung tâm tim mạch - Hồi sức tích cực - Chẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ.

1.3. **Nguồn số 03:** Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh như: tiểu phẫu, phẫu thuật, xét nghiệm, dịch tiết, máu, mủ, các bộ phận loại bỏ của cơ thể, vệ sinh dụng cụ y khoa (lưu lượng 54,0 m³/ngày.đêm) từ toà Nhà A1, Nhà A2, Nhà A3, Nhà A4, Nhà A5, Nhà A6, Nhà A7, Nhà A8, Nhà A9, Nhà A10, Nhà A11, Nhà A13, Nhà A15, Nhà A16, Nhà điều trị bệnh nhân trại giam, Trung tâm tim mạch - Hồi sức tích cực - Chẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ.

1.4. **Nguồn số 04:** Nước thải ăn uống phát sinh từ nhà ăn khoa dinh dưỡng (lưu lượng 15 m³/ngày.đêm).

1.5. **Nguồn số 05:** Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (lưu lượng 5,6 m³/ngày.đêm).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả nước thải:

Nước thải từ bể khử trùng đạt quy chuẩn thải ra mương thoát nước thải chung của thành phố (Dọc Đại lộ CSEDP phía Nam bệnh viện).

Tọa độ vị trí của xả nước thải: Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 1050, múi chiều 30, như sau: X = 2187761 (m); Y = 580822 (m).

2.2. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 596,48 m³/ngày.đêm.

2.3. Phương thức xả nước thải:

Tự chảy tràn và kiểm soát lưu lượng bằng đồng hồ đo trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

- Chất lượng nước thải:

2.4. Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, k = 1), cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	COD	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	
10	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1	
11	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0	
12	Tổng Coliform	MPN/100 ml	5.000	
13	Salmonell	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH	

* **Ghi chú:** “KPH”: Không phát hiện

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải:

- Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn trên mái và sân, đường nội bộ → Rãnh thoát nước mưa B400, B600 có bố trí 102 hố ga (trên hệ thống rãnh thoát nước mưa) lắng cặn → mương thoát nước mưa của thành phố trên Đại lộ CSEDP.

- Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, nước thải nhà vệ sinh, nước thải từ nhà ăn.

- Nước thải tắm, giặt, vệ sinh phòng bệnh thu gom qua hố ga sau đó theo đường ống nhựa PVC D110 → D200 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D110 → D200 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện, công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải nhà ăn → Bể tách dầu → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D200, D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải y tế:

Nước thải y tế → Đường ống thoát nước bằng nhựa PVC D110 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ vệ sinh thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn:

Nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt → Đường ống thoát nước thải tập trung PVC D165 → D300 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện công suất 700 m³/ngày.đêm

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Bể tự hoại 03 ngăn: số lượng 40 bể, tổng thể tích 1.117.45 m³.

- Bể tách dầu mỡ: thể tích 4,5m³, kích thước: dài x rộng x cao = 2,5m x 1,2m x 1,5m.

- Đường ống D300: chiều dài L = 4.006m.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung: công suất 700 m³/ngày.đêm. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý như sau:

Nước thải bệnh viện (gồm: Nước thải sinh hoạt; Nước thải y tế; Nước thải từ vệ sinh thiết bị thu gom, xử lý chất thải rắn sau xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (giá thể MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hố ga; bể tự hoại; bể lắng và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét như sau:

+ Mương rãnh, hố ga, bể tách dầu: 03 tháng/lần.

- + Bể tự hoại: 01 năm/lần.
- + Bể lắng nước thải của hệ thống xử lý tập trung: 24 tháng/lần
- + Bể chứa bùn của hệ thống xử lý tập trung: 06 tháng/lần.
- Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện. Cụ thể:
 - + Tại bể lắng cặn + tách dầu mỡ: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn việc dẫn nước vào hệ thống.
 - + Bể hiếu khí: Hàng ngày vệ sinh đầu dò do bị bẩn, bị lắng bao quanh; Kiểm tra hệ thống phân phối khí để hạn chế sự phân phối bọt khí trong bể không đều (có vùng có khí, có vùng không có khí) do giá thể bị tắc hoặc hệ thống phân phối khí bị hỏng, bị hỏng.
 - + Bể lắng bùn: Xả bùn đúng quy định (06 tháng/lần) để tránh hiện tượng bùn nổi lên bề mặt.
 - + Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.
 - + Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống,...
- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ tại bể thu gom và bể điều hòa của hệ thống xử lý, nhanh chóng khắc phục sửa chữa các thiết bị hư hỏng. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, nước thải được bơm quay vòng để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.
- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.
- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.
- Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hư hỏng cao như máy bơm, phao, van, cánh khuấy,... để thay thế khi cần thiết.
- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (Theo quy định khoản 2, điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ).

Căn cứ quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Bệnh viện đề xuất lấy 07 mẫu đơn trong 07 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của hệ thống xử lý

2.1. Thời gian vận hành: 07 ngày (tháng 3/2025, sau khi cải tạo xong).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Nước thải tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống XLNT tập trung;

+ NT2: Nước thải tại bể khử trùng của hệ thống XLNT tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.2 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành ổn định, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

3.6. Trường hợp gây sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận hành, Công ty phải dừng ngay hoạt động xả thải và báo cáo kịp thời đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Thanh Hóa để được hướng dẫn, giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Các thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khuôn viên bệnh viện tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá..

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	55	45	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	60	55	Không thực hiện	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bệnh viện quy định giờ vào thăm bệnh nhân (cụ thể: Sáng từ 5h - 7h; trưa từ 11h30 - 13h00, chiều từ 17h đến 21h30).

- Quy định các phương tiện ra vào bệnh viện tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực bệnh viện.

- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.

- Trong khuôn viên của bệnh viện được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực bệnh viện, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

- Đối với tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện dự phòng được lắp đặt cách xa khu vực khám chữa bệnh của bệnh viện và được đặt trong phòng kín.

+ Đế máy phát điện dự phòng được lắp đặt đệm lót bằng cao su để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

+ Định kỳ bảo dưỡng máy phát điện theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
I	Chất thải y tế nguy hại		
1	Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn	18 01 03	3,94
2	Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn	18 01 03	70,96
3	Chất thải giải phẫu	18 01 03	3,94
4	Hóa chất thải bỏ; dược phẩm thải bỏ, bị hỏng	18 01 06	4,38
II	Chất thải nguy hại khác		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1,38
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	0,5
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (can nhựa đựng hóa chất)	18 01 03	1,0
4	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	0,5
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1,0
	Tổng khối lượng		87,6

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải y tế thông thường	100,74
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	50,0
	Tổng khối lượng	150,74

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân	394,2
	Tổng khối lượng	394,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác màu vàng đặt trên xe tiêm	Dung tích 5 lít	235 cái
2	Thùng rác màu vàng đặt tại các phòng khám, phòng làm việc, phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	210 cái
3	Thùng rác màu đen đặt tại phòng thủ thuật, tiểu phẫu, phẫu thuật	Dung tích 15 lít	16 cái
4	Thùng Composite màu vàng 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	30 cái
5	Thùng Composite màu đen 120 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 120 lít	04 cái
6	Thùng Composite màu vàng 240 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	22 cái
7	Thùng Composite màu đen 240 lít đặt tại nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	08 cái

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa CTNH là 32m² (nằm trong góc của nhà kỹ thuật diện tích 545m²).

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông nền lát gạch Ceramic chống thấm, tường xây gạch mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.1.3. Chuyển giao và xử lý chất thải:

Chỉ được chuyển giao chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế thông thường và chất thải khác

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác 5 lít màu trắng đặt trên xe tiêm	Dung tích 5 lít	235 cái
2	Thùng rác 15 lít màu trắng đặt tại các phòng khám	Dung tích 15 lít	170 cái
3	Thùng rác 15 lít màu trắng đặt tại các phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	165 cái
4	Thùng Composite màu trắng 120 lít đặt tại các hành lang	Dung tích 120 lít	34 cái
5	Thùng Composite màu trắng 240 lít đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	32 cái
6	Thùng Composite màu trắng 660 lít đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ	Dung tích 660 lít	02 cái

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải trong nhà

- Nhà tập kết rác thải sinh hoạt có diện tích 30 m².
- Nhà lưu giữ chất thải rắn tái chế có diện tích 12 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vừa xi măng chống thấm, mái lợp tôn.

2.2.3. Chuyển giao và xử lý chất thải:

Chỉ được chuyển giao chất thải y tế thông thường có thể tái chế cho đơn vị có chức năng xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu giữ

TT	Tên công trình, hệ thống, thiết bị	Công suất thiết kế	Số lượng
1	Thùng rác 5 lít màu xanh đặt trên xe tiêm	Dung tích 5 lít	235 cái
2	Thùng rác 15 lít màu xanh đặt tại các phòng khám, phòng làm việc, phòng chuyên môn	Dung tích 15 lít	310 cái
3	Thùng Composite màu xanh 120 lít đặt tại các hành lang	Dung tích 120 lít	50 cái
4	Thùng Composite màu xanh 240 lít đặt tại nhà tập kết rác và nhà lưu giữ	Dung tích 240 lít	30 cái

5	Xe thu gom rác bằng sắt 0,5 m ³	Dung tích 0,5m ³	10 xe
---	--	-----------------------------	-------

2.3.2. Khu vực lưu chứa ngoài trời

- Thu gom và vận chuyển đi xử lý hàng ngày.

2.3.3. Chuyển giao và xử lý chất thải:

Thực hiện phân loại triệt để chất thải rắn sinh hoạt, tăng cường tái sử dụng rác thải, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng xử lý đối với các loại chất thải không thể tái sử dụng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý chất thải nguy hại của bệnh viện;

2. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng công trình Trung tâm tim mạch – hồi sức tích cực – chuẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Đối với bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng:

+ Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân. Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa, các máy móc thi công hiện đại và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao.

+ Phương tiện vận chuyển phải có giấy đăng kiểm đạt chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, chạy đúng tốc độ quy định, chở đúng trọng tải, thùng xe đóng kín và che phủ bạt, rửa bánh xe khi ra vào công trường.

+ Thực hiện phun nước giảm bụi. Tần suất phun tưới nước 02 lần/ngày (đầu buổi sáng và buổi chiều), tần suất phun tưới nước có thể còn tăng lên 04 lần/ngày nếu thấy bụi xuất hiện nhiều trên công trường, tuyến đường vận chuyển và công ra vào dự án.

+ Bao quanh khu vực xây dựng công trình Trung tâm tim mạch – hồi sức tích cực – chuẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ bằng tường rào tôn, chiều dài 2.000m, cao 2m. trang bị lưới chắn bụi xung quanh trong thi công nhà cao tầng.

- Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:

+ Nước thải rửa tay chân → hố lắng tạm 5,0m³ (kích thước 2,5mx2,0mx1m, bố trí tại phía Đông Nam khu đất xây dựng) → Mương rãnh thoát nước mưa B600 → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa.

+ Nước thải vệ sinh → bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 10m³ tại Nhà điều trị bệnh nhân trại giam) → đường ống nhựa PVC D200 → đường ống D300 → HTXLNT tập trung của bệnh viện.

- Đối với nước thải xây dựng:

+ Nước thải rửa lớp xe → hồ lắng tạm 5,0m³ (cùng với nước rửa tay chân) → Mương rãnh thoát nước mưa B600 → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa.

+ Nước thải rửa dụng cụ thi công → hồ lắng tạm 5,0m³ (cùng với nước rửa tay chân) → Mương rãnh thoát nước mưa B600 → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Thanh Hóa.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân:

+ Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được (khối lượng 10,5 kg/ngày): thu gom riêng vào các thùng 30 lít (01 thùng) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 1 lần/ngày.

+ Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế được (khối lượng 4,5 kg/ngày): thu gom riêng vào thùng nhựa composite 30 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Vật liệu dễ rơi vãi (bao gồm đất, đá, cát, khối lượng là 1.093,79 tấn), gạch vỡ (khối lượng 115,85 tấn): thu gom và vận chuyển về bãi đổ thải của dự án là bãi thải tại chân núi xã Đông Quang, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Khoảng cách từ bãi thải đến điểm đầu công trình là 7km.

+ Chất thải rắn từ các loại vật liệu sử dụng trong quá trình thi công như mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ (khối lượng 0,525 tấn): thu gom và bán cho các cơ sở phế liệu trên địa bàn.

- Đối với chất thải nguy hại: Trang bị 04 thùng chuyên dụng 250 lít/thùng để thu gom (trong đó 02 thùng đựng CTNH dạng lỏng, 02 thùng đựng CTNH dạng rắn), đặt tại khu vực lán trại chờ đưa đi xử lý. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án, không thu gom xử lý chung với chất thải nguy hại của bệnh viện.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn

nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm khí thải tại các khoa, phòng bệnh: Để giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh tại các khoa, bệnh viện đã lắp đặt hệ thống các chụp hút, tủ hút, máy hút âm,... tại các khoa kết hợp với các biện pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức (như: phòng ốc được bố trí máy điều hòa, quạt gió làm mát).

- Giảm thiểu ô nhiễm không khí tại phòng áp lực âm (phòng cách ly tại khu điều trị bệnh nhân cách ly): Phòng áp lực âm là phòng đáp ứng mọi tình huống cứu chữa bệnh và đảm bảo an toàn tránh lây nhiễm cho các bệnh khác. Không khí chỉ có thể đi vào từ một phía và không thể thoát ra qua phía đó. Không khí ô nhiễm trong phòng sẽ được xử lý bằng hệ thống lọc không khí hiệu quả cao, bao gồm: Bộ xử lý không khí ICU 1200; Quạt hút gió gắn trần; quạt hút gió gắn ống gió; Đồng hồ chênh áp suất - màn hình hiển thị kỹ thuật số.

- Tại các khu nhà vệ sinh: Bệnh viện đã lắp đặt quạt hút ly tâm để hút mùi nhà vệ sinh.

- Giảm thiểu bụi, khí thải cho toàn bệnh viện: Ngoài các biện pháp xử lý cục bộ áp dụng tại các khu nhà làm việc, bệnh viện đã trồng cây xanh để thanh lọc không khí đồng thời điều hòa vi khí hậu trong khuôn viên bệnh viện. Cây xanh được trồng dọc theo các tuyến đường nội bộ, dọc tường rào bao quanh khu đất và tại các khu vực quy hoạch khuôn viên cây xanh. Tổng diện tích quy hoạch cây xanh là 19.822,80 m².

- Đối với máy phát điện dự phòng: Bệnh viện đã bố trí máy phát điện tại khu nhà riêng biệt, cách xa tòa nhà khám chữa bệnh, gần khu xử lý chất thải của bệnh viện nên hoạt động của máy phát điện không ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh, bệnh nhân và y bác sỹ, nhân viên làm việc tại bệnh viện. Máy phát điện dự phòng của Bệnh viện phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO đạt tiêu chuẩn, thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.